

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày 03-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Duyên, ông Trần Đức Thắng, bà Nguyễn Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 30/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/HSST-QĐ ngày 08/7/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 26/12/1974 tại thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố PS, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Ngọc B (đã chết) và bà Phí Thị Ph, cH3 là Nguyễn Trọng L, có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

Bản án số 52/2016/HS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và “*Tổ chức đánh bạc*” (Chưa chấp hành xong, chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

+ Bản án số 151/HSST ngày 18/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Đã được xóa án tích).

+ Bản án số 30/HSST ngày 14/8/2002 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang phạt 12 tháng tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam*” (Đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2021, tạm giam từ ngày 12/7/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Trường S - Luật sư Công ty Luật Hợp danh TV, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:* chị Trần Thị Chung Th, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 14 phường PH, thành phố LC. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phùng Ngọc H, sinh năm 1958, nơi cư trú: Số 8 ngõ DT, phường Đ, quận HK, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956, nơi cư trú: Số 214 đường TTT, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1970, nơi cư trú: Số 33 đường N, TDP Phúc Thọ, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Bà Vũ Ngọc H2, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn ĐQ, xã BH, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

5. Chị Trần Ngọc A, sinh năm 1995, nơi cư trú: Số 250 đường TC, phường NTH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

6. Anh Vũ Ngọc T2, sinh năm 1976, nơi cư trú: Số 098 đường LK, tổ 10, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số 70 PKV, phố CĐ, phường Nam Cường, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số 72 đường PNL, tổ dân phố ĐT, phường NC, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

9. Bà Vũ Thanh H2, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số 33, đường NKN, tổ dân phố PT, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ dân phố PS, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có sự quen biết từ trước nên tháng 10/2018 H nói cho chị Th là có chiếc xe ô tô Vios màu trắng của khách cầm cố đánh bạc muốn bán với giá 230.000.000 đồng, chị Th đồng ý mua và đặt cọc số tiền 186.000.000 đồng.

Nhưng sau đó H không giao xe được cho chị Th như đã hứa hẹn, nên chị Th không đồng ý mua xe mà yêu cầu H trả lại tiền. Do không có tiền để trả lại, H viết giấy nhận nợ chị Th số tiền 186.000.000 đồng, sau đó H trả được cho chị Th 4.000.000 đồng và nợ lại 182.000.000 đồng, từ đó H không liên lạc gì với chị Th.

Ngày 06/10/2019, H điện thoại cho chị Th hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng để xử lý việc cá nhân, chị Th đồng ý và chuyển cho H 1.000.000 đồng qua số Tài khoản 8702205076259 ngân hàng Agribank Bắc Yên Bái của anh Nguyễn Mạnh T1.

Ngày 07/10/2019, H tiếp tục gọi điện hỏi vay chị Th số tiền 5.400.000 đồng và hứa sau khi trả sẽ trả thêm 50.000.000 đồng tiền nợ cũ nên chị Th đồng ý và chuyển vào Tài khoản 19032900173016 ngân hàng Techcombank của chị Vũ Ngọc H1 do H cung cấp.

Ngày 08/10/2019, H gọi điện thoại nói với chị Th là có cơ hội để trả nợ cho chị Th, H tự nghĩ và nói dối chị Th về việc có chị H3 nhà ở km 32 Quốc lộ 4D, đường đi Sa Pa, tỉnh Lào Cai (*H3 là người không có thật*) đang nợ tiền H, chị H3 có 01 mảnh đất tại khu Làng Đen, xã Đồng Tuyển, thành phố LC, H3 sẽ bán lô đất này được 560.000.000 đồng để có tiền trả cho H, H sẽ có tiền trả cho chị Th. Tuy nhiên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa đỏ) lô đất chị H3 đang thế chấp, H đã vay tiền của bà M số tiền 15.400.000 đồng để đi lấy Bìa đỏ nhưng H đang nợ bà M 150.000.000 đồng, H không muốn để bà M biết việc H3 bán đất trả tiền cho H rồi H trả tiền cho chị Th nên H bảo chị Th chuyển tiền cho H để H trả tiền bà M. Các nội dung này, H đã nói trước với bà M và dặn nếu có ai hỏi thì bà M chỉ cần xác nhận đúng các nội dung như vậy nhằm để chị Th tin tưởng, H cho số điện thoại của bà M để chị Th gọi điện xác nhận. Chị Th đã gọi điện thoại hỏi bà M xác nhận đúng H đang nợ bà M 150.000.000 đồng và H đã lấy (bìa đỏ) bà M đang theo dõi H để đợi H bán được đất sẽ đòi tiền H. Thấy các thông tin H đưa ra là đúng, chị Th gọi điện hỏi vay ông H số tiền 20.000.000 đồng để chuyển 16.000.000 đồng vào tài khoản tên Vũ Ngọc H2 theo yêu cầu của H. Chị Th nói cho ông H biết về các nội dung như H nói với chị, sau đó H nói với chị Th về việc chị H3 đang nợ 390.000.000 đồng của một người gọi là "Bà chủ", ngày 13/10/2019 "Bà chủ" gọi điện đến cho chị Th xác nhận nội dung H3 đang nợ 390.000.000 đồng và H đang nợ bà M 150.000.000 đồng, "Bà chủ" đang cho người theo dõi H và H3 để đợi bán được đất sẽ thu hồi hết tiền, thực tế người được gọi là "Bà chủ" là do H tự nghĩ ra và nhờ người tên Mai Thị Hà, mà H hay gọi là Hương để giả giọng của "Bà chủ" và nói nội dung theo yêu cầu của H qua điện thoại khi nói chuyện với chị Th. Chị Th gọi lại cho H xác nhận có 02 người tên Thành và Tuấn là người làm việc cho "Bà chủ" đang theo dõi H và H3, tuy nhiên do người tên Thành thương hoàn cảnh của H và H3 nên một mặt Thành vẫn làm cho "Bà chủ", mặt khác thông đồng với H và H3 cho bán đất ra

ngoài, muốn vậy phải chi phí 35 triệu đồng cho T4, thực tế T4 là người không có thật mà H tự nghĩ ra sau đó thuê 01 người đàn ông làm nghề xe ôm ở khu vực đầu cầu KT, thành phố LC để giả làm người tên Thành nói chuyện với chị Th qua điện thoại theo nội dung do H yêu cầu. Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này, T4 cũng xác nhận nội dung đúng như H nói khi chị Th gọi điện nói chuyện với T4 nên chị Th tin tưởng và chuyển tiền theo yêu cầu của H.

Trong thời gian tháng 10/2019, H, người tên Thành, bà M, "Bà chủ" và chị Th liên lạc qua điện thoại với nhau nhiều lần, H đưa ra nhiều lý do như phải đưa tiền cho chồng H3 đã ly hôn để chồng H3 ký vào giấy mua bán đất, đưa tiền cho mẹ chồng H3 và em thím H3 để ký giáp danh, phát sinh lô đất của em thím của H3 ở bên cạnh đã bán cho H3 từ lâu nhưng H3 quên, giờ thành 02 lô bán được 1.400.000.000 đồng, mẹ của H3 thương con nên cho H3 đất để bán lấy tiền trả nợ, tiền công chứng làm thủ tục mua bán đất, đây là các thông tin không có thật, H tự nghĩ ra để yêu cầu chị Th chuyển tiền lo các thủ tục sau đó nhận được tiền nhằm chiếm đoạt. Thời điểm đó H nói giá trị khu đất là 3.600.000.000 đồng và chú của Thành đã đồng ý mua, H và H3 cam kết sau khi bán được trừ các khoản trả nợ cho chị Th và các khoản chị Th đã bỏ ra, H và H3 chỉ lấy 100.000.000 đến 200.000.000 đồng còn lại của chị Th hết. Sau các thông tin mà H đưa ra, chị Th đều gọi điện thoại cho những người trên để kiểm tra và thấy trùng khớp thông tin với H, nên chị Th vẫn tin tưởng, đi vay tiền trong đó vay nhiều nhất của ông H để chuyển tiền cho H.

Ngày 25/10/2019 H hẹn chị Th đi bán đất và nhận tiền sau đó H lấy lý do "Bà chủ" cho người đến đông nên không đi được. H tiếp tục liên lạc nói là mẹ H3 cho đất vườn tạp phía sau, bây giờ chia ra thành 06 lô đất và bán được 6.600.000.000 đồng, Thành nói chia ra được 09 lô và chú Thành đồng ý mua với giá 6.600.000.000 đồng, đợi ngày thuận lợi sẽ làm thủ tục mua bán và nhận tiền. H nói sau khi bán được sẽ đưa cho chị Th và ông H mỗi người 2.000.000.000 đồng gồm cả các khoản chi phí đã bỏ ra, chị Th thông báo cho ông H nội dung như vậy, ông H đồng ý chuyển tiền cho H. Ban đầu ông H chuyển tiền cho chị Th để chị Th chuyển tiền cho H nhưng sau đó ông H chuyển trực tiếp cho H nhưng vẫn ghi các nội dung do chị Th chuyển tiền và nhờ các thông tin cá nhân của người thân để chuyển tiền bằng các hình thức chuyển qua Tài khoản ngân hàng, chuyển tiền qua số điện thoại bằng dịch vụ Viettel, chuyển tiền qua Internet Banking. Tính đến ngày 30/10/2019 chị Th và ông H (thông qua yêu cầu của H) đã chuyển cho H tổng số tiền là 926.500.000 đồng (*Chín trăm hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 01/11/2019 H tiếp tục đưa ra các thông tin không có thật về việc trước đây H3 mua đất đồi tại huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (nay là thị xã Sa Pa) hết 400.000.000 đồng, Thành tự ý lấy của "Bà chủ" số tiền 63.000.000 đồng để đi

san đôi chia ra được 06 lô đất, giờ T4 phải trả "Bà chủ" số tiền này. H nói thêm trong 06 lô đất này, H3 cho H 01 lô, cho chị Th 01 lô, cho Thành 01 lô nhưng T4 không nhận và T4 sẽ cho ông H lô đất này. Trong thời gian tháng 11 và tháng 12/2019 H lấy nhiều lý do như lo tiền chi phí làm bìa đỏ, tiền giúp Thành chuyển trả cho "Bà chủ" vì T4 mang xe ô tô của "Bà chủ" đi cầm cố, tiền công chứng để yêu cầu chị Th và ông H chuyển tiền. Sau đó H, T4 đưa ra lý do đất nằm trong quy hoạch có đường chạy qua ở giữa nên sẽ chia thành 12 lô đất, chỉ tính tiền đền bù đã được 7.600.000.000 đồng. "Bà chủ" cũng gọi điện cho chị Th xác nhận các nội dung như vậy và vẫn đang theo dõi, nếu H3 bán đất vào thời điểm này thì "Bà chủ" sẽ kiện đòi lại toàn bộ đất của H3 vì số tiền 400.000.000 đồng H3 vay của "Bà chủ" để mua đất nhưng chưa trả. Ngoài ra H còn cho một người phụ nữ giới thiệu tên Hương làm ở Phòng Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) thị xã Sa Pa để liên lạc với chị Th và ông H (Hương là người không có thật, do H tự giả giọng để nói chuyện với chị Th và ông H qua điện thoại), H2 nói đang làm các thủ tục bìa đỏ liên quan đến các lô đất tại Sa Pa, trong đó có lô đất của ông H và chị Th, quá trình đo đạc thừa ra 2,5m bảo ông H mua nốt. Sau đó H, Thành, Hương đưa ra nhiều lý do như chi phí làm bìa đỏ, chi phí các đoàn kiểm tra, chi phí ăn uống tiếp khách, quà biếu, tiền lo các thủ tục để trả tiền cho "Bà chủ" không để bà biết chuyện, tiền mua đất thêm, tiền giúp đỡ Thành vì mẹ Thành mới chết để yêu cầu chị Th và ông H chuyển tiền.

Cũng trong tháng 11/2019 H và Thành có yêu cầu chị Th viết giấy chốt nợ từ trước đến nay còn cho H vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 03 năm, mục đích để sau này "Bà chủ" không nghi ngờ việc Thành thông đồng với H bán đất, Th đưa giấy ra cho "Bà chủ" biết H vẫn nợ tiền Th. Chị Th viết và gửi cho H nhưng sau đó H viết lại và gấp đưa chị Th ký, chị Th không để ý nội dung. Ngoài ra, chị Th đã được H trả số tiền tổng cộng 90.000.000 đồng do H thuê anh Vũ Ngọc T2 (là người làm nghề xe ôm, có tên thường gọi là D) đưa cho Th làm 02 lần, lần 01 vào ngày 11/01/2019 số tiền 50.000.000 đồng và lần 02 ngày 15/01/2019 số tiền 40.000.000 đồng, các khoản còn lại H vẫn chưa trả hết cho chị Th.

Từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/12/2019 chị Th và ông H đã chuyển cho H tổng số tiền 3.616.200.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng*). Sau khi chuyển đủ các khoản tiền theo yêu cầu, H hẹn chị Th và ông H đến ngày 06/01/2020 sẽ nhận bìa đỏ đất tại thị xã Sa Pa và bán đất ở thôn LĐ, xã ĐT, thành phố LC nhưng đến ngày 05/01/2020 H2 gọi điện thoại cho chị Th báo tin về việc mẹ của Hương chết nên chưa thể giao bìa đỏ được. Chị Th nghi ngờ nên ngày 06/01/2020 chị Th và ông H đi đến Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Sa Pa thì phát hiện không có cán bộ nào tên H2 công tác tại đây và cơ quan này cũng không làm bìa đỏ nào cho ai tên Trần Thị Chung Th và Phùng Ngọc H. Chị

Th gọi điện thoại vào số của H, Hương, H3 và “Bà chủ” nhưng không thấy ai nghe máy.

Tổng số tiền chị Th đã chuyển cho H là 4.498.200.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*) trong đó số tiền ông H chuyển cho chị Th và các lần theo yêu cầu của H là 4.049.300.000 đồng (*Bốn tỷ không trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng*) đều trên danh nghĩa chị Th vay của ông H để chuyển cho H qua các Tài khoản ngân hàng và số điện thoại của những người gồm: anh Thắng (là bạn quen biết với H) nhận chuyển 1.000.000 đồng; Trần Ngọc A (là con rể của H) nhận chuyển số tiền 121.100.000 đồng; Vũ Ngọc T2 (là người quen biết với H) nhận chuyển tổng số tiền 652.500.000 đồng; Nguyễn Trọng T5 (là con trai ruột của H) nhận chuyển số tiền 29.000.000 đồng và 41.500.000 đồng do anh Vũ Ngọc T2 chuyển đến; của chị Vũ Ngọc H2 (là người quen biết với H) nhận chuyển số tiền 198.600.000 đồng; Nguyễn Thu Tr (là cháu họ của H) nhận chuyển số tiền 114.400.000 đồng; Nguyễn Thị V (là người quen biết với H) nhận chuyển số tiền 111.700.000 đồng và Vũ Thanh H3 (là người quen biết với H) nhận chuyển số tiền 8.000.000 đồng; ngoài ra chị Th và ông H còn chuyển trực tiếp tiền mặt cho những người là em trai của người tên Thành, bà cụ hàng xóm của H (những người này không xác định được, lai lịch cụ thể) và anh Vũ Ngọc Tường để chuyển tiền cho H. Sau khi chiếm đoạt được tiền H đã sử dụng tiền vào việc đánh bạc, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

* Kết luận giám định số 21/GĐTTL ngày 16/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai đối với giám định tài liệu, kết luận: (1) Chữ ký, chữ viết, chữ số trên tài liệu giấy cam kết đã trả nợ xong, viết ngày 19/10/2019 trên giấy trắng A4 giữa Người trả: Nguyễn Thị H; Người nhận: Trần Thị Chung Th với chữ ký, chữ viết, chữ số của Trần Thị Chung Th do cùng một người ký và viết ra. (2) Chữ số, chữ ký, chữ viết dưới mục “Người trả” trên tài liệu giấy cam kết đã trả nợ xong, viết ngày 19/10/2019 trên giấy trắng A4 giữa Người trả: Nguyễn Thị H; Người nhận: Trần Thị Chung Th với chữ ký, chữ viết, chữ số của Nguyễn Thị H do cùng một người ký và viết ra. (3) Chữ ký, chữ viết, chữ số trên giấy vay tiền, viết ngày 26/12/2019 trên giấy kẻ ô ly HẢI TIẾN (tờ đúp) giữa Người làm giấy vay: Nguyễn Thị H; Người cho vay: Trần Thị Chung Th (trừ chữ viết, chữ ký tại mục “Người cho vay”) với chữ ký, chữ viết, chữ số của Nguyễn Thị H do cùng một người ký và viết ra. (4) Chữ ký, chữ viết tại mục “Người cho vay” trên tài liệu giấy vay tiền, viết ngày 26/12/2019 trên giấy kẻ ô ly HẢI TIẾN (tờ đúp) giữa Người làm giấy vay: Nguyễn Thị H; Người cho vay: Trần Thị Chung Th với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Chung Th do cùng một người ký và viết ra. (5) Không đủ cơ sở kết luận dãy số 26/12/2019 tại dòng thứ 6 trang 1, dòng thứ nhất trang thứ 2 tính từ trên xuống trên tài liệu giấy vay tiền, viết ngày 26/12/2019 trên giấy kẻ ô ly HẢI TIẾN (tờ đúp) giữa Người làm giấy vay: Nguyễn Thị H; Người cho vay: Trần Thị Chung Th có được viết thêm hay

không. (6) Không đủ cơ sở kết luận số “2” đầu tiên (tính từ trái sang phải) của dãy số 26/12/2019 tại dòng thứ 6 trang 1, dòng thứ nhất trang 2 tính từ trên xuống trên tài liệu giấy vay tiền, viết ngày 26/12/2019 trên giấy kẻ ô ly HẢI TIỀN (tờ đúp) giữa Người làm giấy vay: Nguyễn Thị H; Người cho vay: Trần Thị Chung Th có được viết thêm hay không.

* Kết luận giám định số 4063/C09-P6 ngày 28/8/2020 của Viện KH học hình sự Bộ Công an đối với giám định âm thanh, kết luận: (1) Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm ngày 28/10, 01/11, 18/11, 20/11, 28/11, 03/12. (2) Tiếng nói xưng “Tao” - được ký hiệu là “H” trong bản dịch nội dung ghi âm trong các mẫu cần giám định ngày 28/10, 01/11, 18/11, 20/11 và tiếng nói của Nguyễn Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người. (3) Không đủ cơ sở xác định có tiếng nói của Nguyễn Thị H trong các mẫu cần giám định ngày 28/11, 03/12. (4) Nội dung các cuộc nói chuyện trong các mẫu cần giám định ngày 28/10, 01/11, 18/11, 20/11 đã được dịch thành văn bản.

* Kết luận giám định số 1797/KL-KTHS ngày 12/5/2022 của Viện KH học hình sự Bộ Công an đối với giám định âm thanh, kết luận: (1) Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định ngày 15/11, 28/11. (2) Không xác định được có tiếng nói của Nguyễn Thị H trong các file ghi âm mẫu cần giám định hay không do thời lượng nói của người cần giám định ngắn và do mẫu so sánh không phù hợp với mẫu cần giám định (*Mẫu tiếng nói của bị cáo Nguyễn Thị H giả giọng người tên H3 do Cơ quan điều tra thu thập*)

* Kết luận giám định số 1795/KL-KTHS ngày 13/5/2022 của Viện KH học hình sự Bộ Công an đối với giám định âm thanh, kết luận: (1) Không phát hiện dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định ngày 03/12, 06/12. (2) Tiếng nói xưng “chị” và được gọi là “chị” trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu là “Hương” trong bản dịch nội dung hội thoại mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người (*Mẫu so sánh là tiếng nói của bị cáo Nguyễn Thị H giả giọng người tên Hương do Cơ quan điều tra thu thập*). (3) Nội dung hội thoại trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-P2 ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 14 đến 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu hình phạt của cả 02 bản án; Được khấu trừ thời hạn tạm giam (từ ngày 06/4/2016 đến 16/8/2016) Theo bản án số 52/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 14 năm tù.

Đối với ông Phùng Ngọc H trình bày, ông là người quen biết với chị Th, vì tin tưởng chị Th nên ông đã nhiều lần chuyển tiền vào Tài khoản của chị Th hoặc chuyển vào tài khoản do bị cáo H cung cấp nhưng với danh nghĩa là chị Th vay tiền của ông nay ông không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường mà buộc chị Trần Thị Chung Th phải hoàn trả cho ông số tiền 3.981.300.000 đồng (*Ba tỷ chín trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác đã có trong hồ sơ vụ án, như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/12/2019, bị cáo H đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin không có thật về người tên H3 có mảnh đất tại thôn Làng Đen, xã Đồng Tuyển, thành phố LC và mảnh đất tại khu vực thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, đồng thời bị cáo cũng giả giọng người tên Hương, nhờ người đóng vai “bà chủ”, nhờ bà Đỗ Thị M và người lái xe ôm tại khu vực cầu Kim Tân nói với nội dung theo yêu cầu của bị cáo để tạo ra các thông tin phù hợp khi trao đổi với chị Th và ông H, làm cho chị Th, ông H tin tưởng là sự thật nên đã chuyển tiền cho bị cáo H để sử dụng làm chi phí các thủ

tục chuyển nhượng, làm bì đỏ, từ đó chiếm đoạt số tiền là 4.498.200.000 đồng. Mặc dù số tiền bị cáo chiếm đoạt bao gồm cả tiền của chị Th và ông H, tuy nhiên các giao dịch chuyển tiền đều đứng tên chị Th chuyển cho bị cáo, vì vậy xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền là 4.498.200.000 đồng của chị Th.

Như vậy khẳng định cáo trạng số 31/CT-VKS-P2 ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây Hng mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm M theo quy định của pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo H có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng đó là phạm tội nhiều lần và tái phạm theo quy định tại các điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thật thà khai báo, bỏ để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba (Theo giấy xác nhận ngày 03/4/2007 của Hội đồng thi đua khen thưởng thành phố YB tỉnh Yên Bái). Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là nhẹ chưa tương ứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

Đối với đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo: Mức hình phạt mà người bào chữa cho bị cáo đề nghị là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với bà Đỗ Thị M là người được bị cáo nhờ xác nhận các nội dung theo yêu cầu của bị cáo khi chị Th gọi điện xác nhận các thông tin bị cáo đưa ra và anh Tường là người được chị Th, bị cáo H thuê chuyển tiền theo yêu cầu và được trả tiền công sau mỗi lần thực hiện chuyển tiền. Bà M và anh Tường không biết bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được tham gia, bàn bạc gì với bị cáo H cũng như không được hưởng lợi gì từ việc giúp bị cáo H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Mạnh T1, anh Nguyễn Trọng T3, chị Trần Ngọc A, bà Vũ Ngọc H2, bà Vũ Thanh H3, chị Nguyễn Thu Tr, chị Nguyễn Thị V là những người được bị cáo mượn TK ngân hàng và số điện thoại để chuyển tiền.

Những người này không biết mục đích chuyển tiền cho bị cáo H để làm gì, không được tham gia, bàn bạc và không biết H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Mai Thị H5 là người được H thuê để thực hiện việc giả giọng người tên “Bà chủ” nói theo nội dung yêu cầu của bị cáo H và được bị cáo H trả tiền công nhưng quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu, xác định chị Mai Thị H5 đã chết vào ngày 14/12/2020 tại Bệnh viện Đa KH tỉnh Lào Cai nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Trần Thị Chung Th xác nhận bị cáo đã lừa của chị tổng số tiền là 4.498.200.000 đồng đến nay bị cáo đã trả cho chị được 90.000.000 đồng, số còn lại chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 4.408.200.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 182.000.000 đồng đã nợ trước đó.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này, xác định bị cáo H đã chiếm đoạt của bị hại chị Trần Thị Chung Th số tiền 4.498.200.000 đồng, không bao gồm số tiền 182.000.000 đồng bị cáo nợ (có biên nhận), do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt 4.408.200.000 đồng, riêng số tiền 182.000.000 đồng do bị cáo và bị hại tự thỏa thuận giải quyết.

Đối với ông Phùng Ngọc H xác nhận ông đã chuyển cho chị Th hoặc chuyển trực tiếp cho Bị cáo H với danh nghĩa chị Th tổng số tiền là 4.049.300.000 đồng đến nay ông đã được chị Th trả số tiền 68.000.000 đồng, nay ông yêu cầu chị Th trả cho ông số tiền còn lại đã vay của ông H là 3.981.300.000 đồng.

Tại phiên tòa mặc dù chị Th đồng ý trả cho ông H số tiền trên, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông H cho chị Th vay tiền là giao dịch dân sự, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án, do đó không có căn cứ để buộc chị Th phải trả cho ông H số tiền này. Ông H có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu chị Th trả số tiền trên.

[5] Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Thị H bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu hình phạt của bản án chưa thi hành là 03 năm 06 tháng tù; Cộng cả 02 bản án buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu hình phạt của 02 bản án là 23 năm 06 tháng tù được khấu trừ 04 tháng 10 ngày (Từ ngày 06/4/2016 đến 16/8/2016) Theo bản án số 52/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Trần Thị Chung Th số tiền 4.498.200.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã bồi thường cho chị Trần Thị Chung Th 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng chẵn*).

Bị cáo Nguyễn Thị H còn phải bồi thường cho chị Trần Thị Chung Th 4.408.200.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm linh tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn*).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 112.408.200 đồng (*Một trăm mười hai triệu bốn trăm linh tám ngàn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT; CQTHAHS; Phòng Hồ Sơ CA tỉnh LC;
- Trại tạm giam Công an tỉnh YB;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện